TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **345/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn P Phi**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 369/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông **Trần Quốc P,** sinh năm 1985; Cư trú: Thôn Kim Trạch, Nghĩa Hà, Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Tuyết N,** sinh năm 1987; Cư trú: ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, An Giang.

(Ông P, bà N cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 09/7/2019 với các tài liệu kèm theo của ông Trần Quốc P trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N được hình thành là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2009 , có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, An Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không cải thiện được. Từ đó ông bà ly thân nhau cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà N.

Bà N củng gửi văn bản trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với ông P và có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

Về quan hệ con chung: Ông P và bà N khai không có.

Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa, ông P và bà N vắng mặt, và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn và bị đơn cùng đồng ý ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà N được hình thành là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi được cha mẹ đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, An Giang. Hai bên cùng trình bày là sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hiện đang sống ly thân nhau nhiều năm. Nay cả hai cùng đồng ý ly hôn và nộp bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công khai bản tự khai đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của bị đơn cùng đề nghị xét xử vắng mặt của cả nguyên đơn và bị đơn nên thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn và xét xử theo thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 316, 317, 318, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[4] Về quan hệ con chung: Ông P và bà N khai không có.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai người xác định không có, nên không đề cặp xem xét giải quyết. Nếu có sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Trần Quốc P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227; 273; 316; 317; 318; 320 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P.

Về hôn nhân: Ông Trần Quốc P được ly hôn với bà Trần Tuyết N

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74 ngày 11/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Quốc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011460 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông P đã nộp đủ).

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt được tính kể từ thời điểm tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Trường;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn P Phi